

Số: /KH-SGDĐT

Hải Phòng, ngày tháng 4 năm 2025

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 ngành Giáo dục Hải Phòng

Căn cứ Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31 /12/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Quyết định số 1705/QĐ-TTg); Căn cứ Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 28/3/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030 (Kế hoạch số 83/KH-UBND) tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 ngành Giáo dục Hải Phòng (sau đây gọi là Kế hoạch), như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai thực hiện đồng bộ và có hiệu quả các nội dung của Quyết định số 1705/QĐ-TTg, Kế hoạch số 83/KH-UBND.

- Bám sát các quan điểm, chỉ đạo của Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố trong các Kế hoạch, Chương trình, Đề án về phát triển nguồn nhân lực thành phố; huy động sự tham gia của các cấp, các sở, ban, ngành, đoàn thể và đồng thuận xã hội trong việc thực hiện Kế hoạch để phát triển giáo dục và đào tạo thành phố phù hợp với vị thế, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập quốc tế.

2. Yêu cầu

- Phát triển giáo dục và đào tạo theo hướng mở, linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, hội nhập, chú trọng cả quy mô, cơ cấu, chất lượng đào tạo; quan tâm đầu tư, đẩy mạnh hợp tác quốc tế để phát triển giáo dục và đào tạo đạt trình độ tương đương với khu vực và thế giới.

- Thực hiện nghiêm các nhiệm vụ và giải pháp về phát triển giáo dục và đào tạo trong Kế hoạch phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển giáo dục thành phố theo hướng hiện đại, kế thừa và phát huy

truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu văn minh nhân loại, hướng đến sự phát triển toàn diện của con người Việt Nam nói chung và con người Hải Phòng nói riêng, đáp ứng những yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, chủ động tham gia và thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và các tiến bộ mới nhất của khoa học và công nghệ; chú trọng giáo dục đạo đức, nhân cách, phát huy tối đa tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân, tạo nền tảng cho việc thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, đất nước phồn vinh và hạnh phúc. Phát triển hệ thống giáo dục mở, đảm bảo công bằng và bình đẳng trong tiếp cận giáo dục, phục vụ học tập suốt đời, theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa, hội nhập quốc tế. Phấn đấu đến năm 2030, Hải Phòng trở thành trung tâm quốc tế về giáo dục và đến năm 2045 giáo dục Hải Phòng đạt trình độ tiên tiến của thế giới.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Đến năm 2030

a) Giáo dục mầm non

Tiếp tục duy trì, củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phấn đấu hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo. Tỷ lệ huy động trẻ đến trường đạt 50% trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ và 100% trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo.

Phấn đấu có 100% trẻ em mầm non đến trường được học 2 buổi/ngày. Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục được nâng cao, đảm bảo trẻ em được phát triển toàn diện về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị vào học lớp 1.

100% giáo viên mầm non đạt chuẩn trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục.

Phấn đấu tỷ lệ trường mầm non dân lập, tư thục đạt 35%, số trẻ em theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục đạt 35%.

Phấn đấu tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 100%; trên 76% trường mầm non đạt chuẩn quốc gia.

Phấn đấu sĩ số học sinh/lớp ở các bậc học mầm non đáp ứng các Quy định hiện hành.

Chất lượng chăm sóc, giáo dục được nâng cao, đảm bảo cho trẻ em có được nền tảng ban đầu của những phẩm chất và kỹ năng sống cơ bản.

Hoàn thiện cơ sở dữ liệu chuyển đổi số và xây dựng kế hoạch khai thác, sử dụng hiệu quả. Triển khai quản lý trên môi trường số hóa, kết nối thông suốt toàn ngành và liên thông với các cơ sở dữ liệu, thông tin thành phố, quốc gia. Mỗi cơ sở giáo dục mầm non xây dựng ít nhất 01 phòng học thông minh.

b) Giáo dục phổ thông

Duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở; đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 là 100%, chuẩn phổ cập giáo dục cấp trung học cơ sở mức độ 3 là 100%.

Tỷ lệ đi học đúng độ tuổi cấp tiểu học đạt 100%, cấp trung học cơ sở đạt 99,7%; tỷ lệ hoàn thành cấp tiểu học đạt 100%, trung học cơ sở đạt 99,9% và hoàn thành cấp trung học phổ thông đạt 99,8%; tỷ lệ chuyển cấp từ tiểu học lên trung học cơ sở đạt 99,9%, từ trung học cơ sở lên trung học phổ thông và các trình độ khác đạt 99%; 100% học sinh tiểu học được học 2 buổi/ngày.

100% giáo viên phổ thông đạt chuẩn trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục.

Phân đầu số cơ sở giáo dục trung học cơ sở tư thục đạt 16,5%, cơ sở giáo dục trung học phổ thông tư thục đạt 48,05% và số học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục phổ thông tư thục đạt 40%.

Phân đầu tỷ lệ phòng học kiên cố cấp tiểu học, cấp trung học cơ sở, cấp trung học phổ thông đạt 100%; có 95% trường tiểu học, 90% trường trung học cơ sở và 68% trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia. Có từ 03 trường liên cấp quốc tế.

100% học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đạt trình độ ngoại ngữ A1 hoặc tương đương, 100% học sinh hoàn thành chương trình trung học đạt cấp độ ngoại ngữ từ A2 và tương đương trở lên.

100% học sinh phổ thông được tiếp cận và sử dụng nền tảng LMS (Learning Management System - Hệ thống quản lý học tập), 15% các trường tiểu học tổ chức các hoạt động học tập và tương tác thông qua môi trường trực tuyến.

70% học sinh trung học phổ thông có thể giao tiếp và tiếp cận học tập bằng ngoại ngữ ở mức tương đương bậc 3 của khung năng lực ngoại ngữ.

100% học sinh tiểu học được tiếp cận với kỹ năng số cơ bản; 80% học sinh trung học cơ sở đạt chuẩn năng lực số cơ bản; 60% học sinh trung học phổ thông đạt trình độ ứng dụng công nghệ thông tin theo chuẩn quốc gia, 30% học sinh học về AI, lập trình, 10% học sinh có trình độ tin học đạt chuẩn quốc tế.

60% học sinh phổ thông biết chơi ít nhất 01 môn nghệ thuật/nhạc cụ và luyện tập ít nhất 01 môn thể thao.

c) Giáo dục đại học

Số sinh viên đại học/vạn dân đạt ít nhất là 260, tỷ lệ sinh viên đại học trong nhóm độ tuổi 18-22 đạt ít nhất 65%, tỷ lệ sinh viên quốc tế theo học các chương trình giáo dục đại học tại Hải Phòng đạt 0,5%; tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ đạt ít nhất 40%. Quy mô đào tạo sau đại học đạt ít nhất 6% quy mô đào tạo đại học.

Dịch chuyển cơ cấu trình độ và ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế tri thức và hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu, phù hợp với

yêu cầu phát triển của thành phố; tỷ trọng quy mô đào tạo các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán (STEM) đạt 65%.

Mở rộng không gian phát triển và nâng cao năng lực cho các cơ sở giáo dục đại học, bảo đảm 100% cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn thành phố đạt chuẩn.

Phấn đấu 100% cơ sở đào tạo trên địa bàn thành phố đạt tiêu chuẩn chất lượng theo các chu kỳ kiểm định phù hợp.

Số lượng công bố khoa học và công trình ứng dụng khoa học công nghệ tính bình quân trên 01 giảng viên toàn thời gian đạt 0,6 công trình/năm. Tỷ lệ sinh viên có việc làm phù hợp trình độ chuyên môn trong 12 tháng sau tốt nghiệp đạt trên 70%.

Ưu tiên đầu tư đào tạo nhân lực bậc đại học và sau đại học có trình độ quốc tế đối với các ngành trọng điểm góp phần phát triển lực lượng lao động có chất lượng cao từ đó tạo ra lợi thế cạnh tranh và tăng trưởng kinh tế cho thành phố trong quá trình hội nhập chuỗi giá trị toàn cầu, đáp ứng xu thế toàn cầu hóa lực lượng lao động.

Xây dựng và triển khai mô hình Đại học có khả năng kết nối và chia sẻ mạnh mẽ các nguồn lực quan trọng trong giáo dục đại học như con người, cơ sở vật chất, học liệu dựa trên nền tảng công nghệ thông tin hiện đại. Chú trọng phát triển học liệu mở trong giáo dục đại học bằng cách đầu tư có hệ thống vào sản xuất và sử dụng học liệu mở để cải thiện chất lượng chương trình giảng dạy.

d) Giáo dục thường xuyên

100% các quận, huyện và thành phố trực thuộc đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

100% cơ sở giáo dục thường xuyên triển khai hoạt động quản lý, giảng dạy và học tập trên môi trường số.

100% các trung tâm học tập cộng đồng ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức hoạt động giáo dục.

90% các quận, huyện và thành phố trực thuộc được công nhận danh hiệu “Cộng đồng học tập” cấp huyện theo Thông tư số 25/2023/TT-BGDĐT ngày 27/12/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã, huyện, tỉnh; Thành phố Hải Phòng được công nhận danh hiệu “Cộng đồng học tập” cấp tỉnh theo Thông tư số 25/2023/TT-BGDĐT; thực hiện các kế hoạch và cam kết xây dựng thành phố học tập, thành viên của Mạng lưới các thành phố học tập toàn cầu của UNESCO.

2.2. Tầm nhìn đến năm 2045

Phát triển giáo dục Hải Phòng theo hướng văn minh, hiện đại, sáng tạo và hội nhập quốc tế, trên cơ sở kế thừa và phát huy những giá trị truyền thống văn hóa, đoàn kết, nghĩa tình của địa phương. Xây dựng thành phố trở thành điểm đến tin cậy, có môi trường giáo dục thân thiện, chất lượng cao, thu hút hiệu quả nguồn

nhân lực trình độ cao, chuyên gia, nhà khoa học đến học tập, nghiên cứu, sinh sống và làm việc. Đến năm 2045, ngành giáo dục Hải Phòng đạt trình độ tiên tiến, nằm trong nhóm các địa phương tiêu biểu của khu vực Đông Nam Á, từng bước tiếp cận các chuẩn mực giáo dục của khu vực châu Á và thế giới, góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo đảm sự phồn vinh và hạnh phúc cho người dân thành phố.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

Chủ động triển khai đồng bộ, hiệu quả 10 nhóm nhiệm vụ, giải pháp theo Quyết định số 1705/QĐ-TTg, Kế hoạch số 83/KH-UBND. Trong đó, tập trung thực hiện các nội dung sau:

1. Đổi mới quản lý giáo dục và quản trị nhà trường

- Tăng cường sự lãnh đạo của tổ chức Đảng, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức của mọi lực lượng xã hội về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phát huy mạnh mẽ vai trò của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội đối với phát triển giáo dục và đào tạo; có cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các cấp chính quyền, các ngành, các tổ chức từ thành phố đến cơ sở.

- Tiếp tục đổi mới công tác quản lý nhà nước về giáo dục; đổi mới bộ máy quản lý theo hướng nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, đảm bảo tính hệ thống, đồng bộ, liên thông trong quản lý nhà nước về giáo dục; thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan quản lý giáo dục các cấp; tăng cường năng lực thực thi; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; tăng cường vai trò của các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo trong việc quyết định về biên chế, tổ chức bộ máy, chính sách đối với nhà giáo và phân bổ ngân sách nhà nước cho ngành giáo dục.

- Tiếp tục triển khai thực hiện cơ chế quản trị cơ sở giáo dục theo hướng khoa học, hiện đại phù hợp với quá trình hội nhập quốc tế và thực tiễn của thành phố, của Việt Nam; tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm gắn với nâng cao trách nhiệm giải trình, phát huy dân chủ của các cơ sở giáo dục; bảo đảm việc tham gia của người học, gia đình và xã hội trong giám sát các cơ sở giáo dục; đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý giáo dục và quản trị nhà trường. Xây dựng môi trường văn hóa - giáo dục lành mạnh, phù hợp với yêu cầu của gia đình và xã hội.

- Phối hợp với các sở, ngành, đơn vị tham mưu thực hiện chính sách để thu hút, sử dụng chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài về giảng dạy, nghiên cứu và làm việc ở các cơ sở giáo dục đào tạo tại thành phố; đẩy mạnh việc thu hút sinh viên quốc tế đến học tập tại thành phố.

- Đánh giá toàn diện việc thực hiện chủ trương sắp xếp, sáp nhập trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên để có giải pháp phù hợp, tạo thuận lợi cho công tác quản lý và phát triển hệ thống này trong thời gian tới.

- Tăng cường chất lượng của công tác lập kế hoạch; tổ chức dự báo, cung cấp thường xuyên các thông tin về phát triển giáo dục và nhu cầu nhân lực của xã hội cho các ngành, các cấp, các cơ sở giáo dục để điều tiết quy mô, cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo cho phù hợp với nhu cầu sử dụng.

- Rà soát, thực hiện các cơ chế, chính sách về giáo dục và đào tạo và các lĩnh vực có liên quan theo hướng khoa học, hiện đại, đồng bộ, liên thông, phù hợp với quá trình hội nhập quốc tế và thực tiễn của thành phố, tạo hành lang pháp lý hoàn chỉnh cho phát triển giáo dục và đào tạo. Triển khai đồng bộ các văn bản của các cấp có thẩm quyền trên địa bàn thành phố, đặc biệt là Luật Giáo dục, Nghị quyết số 88/2019/QH14 của Quốc hội, các nghị định của Chính phủ, thông tư của các bộ, ngành có liên quan đến giáo dục trên địa bàn thành phố.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính. Thực hiện đồng bộ, thống nhất việc phân cấp quản lý, tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục đi đôi với hoàn thiện cơ chế công khai, minh bạch, đảm bảo sự giám sát của cơ quan nhà nước, của các tổ chức chính trị xã hội và Nhân dân.

- Phân loại chất lượng giáo dục theo các tiêu chuẩn chất lượng quốc gia, đẩy mạnh công tác kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia ở các cấp học; các cơ sở giáo dục chưa đạt chuẩn phải có lộ trình để tiến tới đạt chuẩn; xây dựng Trường THPT chuyên Trần Phú thành một trung tâm đào tạo chất lượng cao để đào tạo bồi dưỡng các tài năng, nhân lực chất lượng cao cho các ngành kinh tế - xã hội.

- Tập trung vào quản lý chất lượng giáo dục: chuẩn hóa đầu ra và các điều kiện đảm bảo chất lượng trên cơ sở ứng dụng các thành tựu mới về khoa học giáo dục, khoa học công nghệ và khoa học quản lý; công khai về chất lượng giáo dục, các điều kiện cơ sở vật chất, nhân lực và tài chính của các cơ sở giáo dục; thực hiện giám sát xã hội đối với chất lượng và hiệu quả giáo dục.

- Tăng cường và nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về giáo dục; thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn về công tác thanh tra, kiểm tra của chính quyền địa phương, cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, cơ sở giáo dục, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch. Tăng cường năng lực đội ngũ thanh tra giáo dục để góp phần nâng cao chất lượng công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

2. Thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục

- Thực hiện công bằng và bình đẳng trong cơ hội tiếp cận giáo dục có chất lượng đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân, nhất là vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, ven biển, hải đảo, khu đô thị đông dân cư, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và các đối tượng là trẻ mồ côi, trẻ em không nơi nương tựa, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, phụ nữ và trẻ em gái, những đối tượng yếu thế khác.

- Tiếp tục hoàn thiện chính sách hỗ trợ cho người học là đối tượng chính

sách xã hội, người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, trẻ mồ côi, trẻ em không nơi nương tựa, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo; chính sách tín dụng giáo dục, học bổng, trợ cấp xã hội cho người học; chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt, tạo cơ hội học tập công bằng cho mọi người.

- Bảo đảm quyền được tiếp cận giáo dục có chất lượng cho người khuyết tật. Tiếp tục triển khai có hiệu quả ba phương thức giáo dục cho người khuyết tật là phương thức giáo dục hòa nhập, bán hòa nhập và chuyên biệt, trong đó đặc biệt quan tâm đến phương thức giáo dục hòa nhập.

3. Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đáp ứng nhu cầu học tập của người dân

- Phát triển hệ thống giáo dục theo hướng mở; linh hoạt, đa dạng hoá các mô hình đào tạo, chương trình giáo dục, phương thức học tập, ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong giáo dục để phù hợp với mọi đối tượng người học, thúc đẩy học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập. Gắn kết liên thông giữa giáo dục phổ thông với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học.

- Tiếp tục tham mưu rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế của mỗi địa phương, địa bàn cụ thể, bảo đảm đủ trường, lớp học và trang thiết bị dạy học, đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo, tiểu học và trung học cơ sở. Khuyến khích phát triển cơ sở giáo dục tư thục ở những địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội phát triển. Nghiên cứu phát triển các mô hình mới như trường học số, trường học thông minh, trường học hạnh phúc, trường chất lượng cao, trường công lập tự chủ...

- Rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục thường xuyên theo hướng giáo dục mở, linh hoạt, hiệu quả bảo đảm đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của mọi người dân, xây dựng xã hội học tập.

- Triển khai hiệu quả Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, đảm bảo đủ năng lực, quy mô, đáp ứng nhu cầu tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ giáo dục có chất lượng cho người khuyết tật.

- Tham mưu rà soát, ưu tiên bố trí đủ quỹ đất để xây dựng cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục đại học; xây dựng hạ tầng phục vụ cho việc mở rộng không gian phát triển giáo dục.

4. Đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra và đánh giá chất lượng giáo dục

- Triển khai Chương trình giáo dục mầm non bảo đảm đồng bộ về nội dung và phương pháp, tiếp cận xu hướng tiên tiến về phát triển chương trình, phù hợp

với tình hình thực tiễn, liên thông với đổi mới giáo dục phổ thông; tăng cường quản lý việc thực hiện Chương trình trong các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục, quan tâm hỗ trợ chuyên môn đối với nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, lớp mầm non độc lập; chuẩn bị đủ các điều kiện đội ngũ, cơ sở vật chất, đồ dùng, đồ chơi, học liệu, thiết bị dạy học để triển khai thực hiện Chương trình giáo dục mầm non mới.

- Thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông hướng đến phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực từng cá nhân người học; đẩy mạnh phương thức giáo dục tích hợp Khoa học, Kỹ thuật, Công nghệ, Toán học (STEM) và nghiên cứu khoa học trong trường phổ thông; tăng cường triển khai Khung năng lực số cho người học theo Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT; nâng cao năng lực tự học và ý thức học tập suốt đời; khả năng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực, sở thích, điều kiện của bản thân.

- Tổ chức thực hiện tốt công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh; khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các doanh nghiệp tham gia xây dựng chương trình, tài liệu, đánh giá kết quả giáo dục hướng nghiệp ở trường phổ thông và các trung tâm giáo dục thường xuyên. Tăng cường lồng ghép, tích hợp giáo dục khởi nghiệp vào các môn học và hoạt động giáo dục. Nghiên cứu xây dựng các hoạt động lồng ghép để bồi dưỡng, thúc đẩy tinh thần doanh nhân, tinh thần khởi nghiệp cho học sinh phổ thông.

- Thực hiện đổi mới chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, cấp trung học phổ thông phù hợp với chương trình giáo dục phổ thông.

- Tham mưu tăng cường các nguồn lực đầu tư để nâng cao chất lượng giáo dục đại học, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực, chú trọng đào tạo nguồn nhân lực các ngành đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế tri thức, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, nhất là các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật, công nghệ và các ngành mới như trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu, bán dẫn, ... Đổi mới quản lý, chương trình và phương pháp đào tạo theo hướng hội nhập quốc tế.

- Phối hợp tổ chức rà soát, đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo phù hợp với thực tiễn, đáp ứng nhu cầu xã hội, trong đó khuyến khích lồng ghép nội dung về tinh thần doanh nhân, tinh thần khởi nghiệp nhằm phát huy tư duy sáng tạo và năng lực đổi mới. Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục quốc phòng và an ninh, xây dựng bản lĩnh chính trị vững vàng, ý thức, trách nhiệm đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc cho học sinh, sinh viên. Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức, bảo đảm thời lượng phù hợp để tổ chức các hoạt động giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, phổ biến kiến thức pháp luật, kỹ năng sống; hoạt động giáo dục hướng nghiệp, trang bị kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho học sinh, sinh viên. Tăng cường công tác giáo dục thể chất, hoạt

động thể thao, xây dựng trường học an toàn, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe trẻ em, học sinh toàn diện cả về thể chất và tinh thần. Xây dựng các tiêu chí, yêu cầu cần đạt để đánh giá tích tích cực, chủ động của học sinh, sinh viên khi tham gia các hoạt động.

- Đổi mới đánh giá người học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực; thúc đẩy môi trường học tập hài hoà, hạnh phúc, giảm nhẹ áp lực học tập, phát huy tối đa tiềm năng của người học, khuyến khích học theo đam mê và sở thích. Hoàn thiện các phương thức đánh giá, tiếp cận các thông lệ tốt của quốc tế, ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin và tăng cường phân tích kết quả đánh giá phục vụ dạy học và quản lý giáo dục. Đẩy mạnh công tác bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục, kiểm định chất lượng các chương trình đào tạo trình độ đại học theo tiêu chuẩn quốc gia, đồng thời tiến tới đạt chuẩn kiểm định bởi các tổ chức quốc tế uy tín. Triển khai hiệu quả các chu kỳ đánh giá diện rộng cấp quốc gia nhằm định kỳ cung cấp các thông tin khách quan, tin cậy về chất lượng giáo dục phổ thông, làm cơ sở đề xuất các chính sách, giải pháp đổi mới các hoạt động dạy và học đáp ứng yêu cầu triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018, nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông và hội nhập quốc tế. Thực hiện đánh giá năng lực số định kỳ trong chương trình giáo dục phổ thông và đại học, áp dụng các công cụ đánh giá tiêu chuẩn theo Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT. Khuyến khích tổ chức, cá nhân, người sử dụng lao động tham gia xây dựng, điều chỉnh, thực hiện chương trình đào tạo và đánh giá năng lực người học.

- Nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ ở tất cả các cấp học và trình độ đào tạo; từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học; khuyến khích dạy học một số môn học bằng ngoại ngữ trong giáo dục phổ thông; đảm bảo đội ngũ giáo viên ngoại ngữ đủ về số lượng và chất lượng; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và hợp tác quốc tế trong dạy và học ngoại ngữ.

- Xây dựng và triển khai quy trình phát hiện sớm, bồi dưỡng và định hướng phát triển năng khiếu, tài năng trong học sinh, sinh viên, nhất là trong các môn học, các ngành nghề STEM.

- Nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra và đánh giá chất lượng giáo dục.

5. Phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục

- Xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên ngành giáo dục thành phố đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng, hợp lý và đồng bộ về cơ cấu đội ngũ, đạt chuẩn nghề nghiệp.

- Sắp xếp, bố trí, sử dụng hiệu quả đội ngũ giáo viên hiện có; đổi mới cơ chế tuyển dụng, sử dụng giáo viên đảm bảo các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên được bố trí đủ định mức giáo viên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục mầm non mới, Chương trình giáo dục phổ thông 2018, Chương trình giáo dục thường xuyên.

- Đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên ngành giáo dục theo hướng phát triển năng lực và đạo đức nghề nghiệp.

- Thực hiện các cơ chế, chính sách tuyển dụng, quản lý sử dụng, đãi ngộ, trọng dụng nhân tài, bảo đảm các điều kiện cần thiết về vật chất và tinh thần để nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên ngành giáo dục thực hiện tốt vai trò và nhiệm vụ của mình, yên tâm công tác và cống hiến; đồng thời thu hút được người giỏi vào ngành giáo dục và tạo động lực cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên ngành giáo dục phát triển; nghiên cứu, xây dựng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao về giáo dục đào tạo ở các cấp học gắn với hoàn thiện cơ chế chính sách phát triển đội ngũ. Có chính sách khuyến khích, ưu đãi đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên ngành giáo dục công tác tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, ven biển, hải đảo; nhất là nhà giáo, cán bộ quản lý là nữ, nhà giáo đang công tác trong các cơ sở giáo dục chuyên biệt.

- Tăng cường hợp tác, liên kết với các cơ sở giáo dục có uy tín trong và ngoài nước để tranh thủ sự hỗ trợ, tư vấn của các chuyên gia, nhà khoa học, giảng viên, giáo viên có năng lực và trình độ cao trong việc đào tạo mũi nhọn, bồi dưỡng giáo viên.

- Thực hiện tinh giản bộ máy, biên chế, tăng cường hiệu lực, hiệu quả của bộ máy quản lý giáo dục.

- Tiến hành đánh giá, phân loại cán bộ quản lý, giáo viên làm cơ sở cho việc đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển công tác, bố trí công việc; kiên quyết đưa ra khỏi ngành đối với những người không đủ phẩm chất, năng lực, không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

- Rà soát, đánh giá, sắp xếp, bố trí đội ngũ nhân viên trường học trong các cơ sở giáo dục cho phù hợp với điều kiện của đơn vị và vị trí việc làm đảm bảo hiệu quả công việc tương ứng với nguồn lực đầu tư.

6. Bảo đảm nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất cho phát triển giáo dục

- Phối hợp với sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố bố trí ngân sách thành phố chi cho giáo dục, đào tạo bảo đảm đạt tối thiểu 20% tổng chi ngân sách theo quy định và quản lý sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính cho phát triển giáo dục và đào tạo; kịp thời điều chỉnh tăng mức chi ngân sách cho giáo dục và đào tạo phù hợp với tăng trưởng của nền kinh tế. Ngân sách thành phố bảo đảm kinh phí cho giáo dục bắt buộc, giáo dục phổ cập, xoá mù chữ, phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông, các nhiệm vụ trọng điểm, các chương trình mục tiêu, các ngành nghề mũi nhọn; ưu tiên đầu tư cho vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

- Tham mưu thực hiện các cơ chế, chính sách đầu tư cho giáo dục và đào tạo theo hướng Nhà nước giữ vai trò chủ đạo, đồng thời đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục, huy động sự tham gia hiệu quả của toàn xã hội vào sự nghiệp giáo dục và đào

tạo; bảo đảm tính đồng bộ của các văn bản pháp luật liên quan, nhất là về đầu tư, tài chính, tài sản công, ngân sách nhà nước và tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức trong các cơ sở giáo dục công lập; rà soát, hoàn thiện các chính sách ưu đãi về đất đai, tín dụng và thuế đối với tất cả cơ sở giáo dục; tạo động lực thúc đẩy hợp tác và cạnh tranh bình đẳng trong mạng lưới cơ sở giáo dục công lập và tư thực, khuyến khích khu vực tư nhân đầu tư phát triển giáo dục.

- Nghiên cứu, tham mưu cơ chế phân bổ nguồn lực theo hướng chuyển từ hỗ trợ theo cơ chế cấp phát bình quân sang cơ chế thành phố đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ giáo dục theo kết quả đầu ra. Thực hiện cơ chế đặt hàng hoặc đấu thầu trên cơ sở hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng của một số loại hình dịch vụ đào tạo. Tiến tới bình đẳng về quyền được nhận hỗ trợ của nhà nước đối với người học ở trường công lập và tư thực. Đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích cộng đồng, xã hội tham gia phát triển giáo dục, nhất là đầu tư phát triển các loại hình cơ sở giáo dục tư thực đáp ứng nhu cầu xã hội, nhất là loại hình tư thực chất lượng cao và không vì lợi nhuận.

- Tăng cường huy động và thu hút các nguồn lực trong và ngoài nước cho phát triển giáo dục. Khuyến khích hình thành các quỹ học bổng, khuyến học, khuyến tài, giúp học sinh, sinh viên nghèo có thành tích học tập tốt. Phát triển các hình thức liên doanh, liên kết với các đối tác trong và ngoài nước để nâng cao chất lượng đào tạo và đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, chuyển giao kết quả nghiên cứu.

- Xây dựng, triển khai chương trình tăng cường cơ sở vật chất cho giáo dục mầm non và phổ thông bảo đảm điều kiện tối thiểu thực hiện chương trình. Đồng thời, tích hợp các mục tiêu tăng cường cơ sở vật chất trường, lớp học vào các chương trình mục tiêu quốc gia. Tiếp tục đầu tư xây dựng các trường mầm non và phổ thông đạt chuẩn quốc gia.

- Phối hợp huy động đa dạng nguồn vốn đầu tư từ ngân sách thành phố, vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi, viện trợ không hoàn lại, vốn đầu tư, tài trợ của tổ chức, cá nhân và các nguồn kinh phí hợp pháp khác; phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn đầu tư công để gia tăng thu hút các nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển các cơ sở giáo dục. Tăng cường nguồn lực đầu tư cho phát triển giáo dục đại học tương xứng với vị trí vai trò của giáo dục đại học, nhất là cho đào tạo nhân lực chất lượng cao, cho các ngành trọng điểm, công nghệ cao thành phố đang ưu tiên.

7. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và tăng cường chuyển đổi số trong giáo dục

- Triển khai Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030 vào lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản trị, quản lý giáo dục; hoàn thiện hệ thống thông tin quản lý và cơ sở dữ liệu toàn ngành giáo dục, đồng bộ, thống nhất kết nối dữ liệu từ các cơ sở giáo dục, các cấp quản lý giáo dục, kết nối dữ liệu giữa ngành giáo dục với các cơ sở dữ liệu quốc gia; tất cả cơ sở giáo dục

triển khai dạy học, quản lý nhà trường trên nền tảng số bảo đảm thiết thực và hiệu quả, tạo nên hệ sinh thái chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục.

- Tham gia xây dựng và khai thác nguồn tài nguyên giáo dục mở, đáp ứng cơ hội học tập suốt đời cho người dân. Phát triển kho học liệu số dùng chung toàn ngành. Đẩy mạnh đào tạo trực tuyến theo chuẩn quốc tế. Khuyến khích phát triển và khai thác dữ liệu lớn, áp dụng trí tuệ nhân tạo vào lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Nghiên cứu, thí điểm và triển khai các mô hình trường học mới như trường học số, trường học thông minh; triển khai mạnh mẽ mô hình giáo dục đại học số nhằm phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

- Đảm bảo các điều kiện về nhân lực và hạ tầng số, đường truyền, băng thông, nền tảng tích hợp - chia sẻ dữ liệu, đảm bảo an toàn thông tin, ưu tiên hỗ trợ các cơ sở giáo dục ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; đẩy mạnh hợp tác với các tổ chức doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân trong hợp tác nghiên cứu, triển khai ứng dụng và thu hút nguồn vốn đầu tư xây dựng các hệ thống công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong ngành giáo dục.

8. Tăng cường hội nhập quốc tế

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế giữa các cơ sở giáo dục của thành phố và các đối tác có uy tín của nước ngoài. Tham gia các chương trình đánh giá, xếp hạng chất lượng giáo dục quốc tế đối với giáo dục phổ thông và các bằng xếp hạng đại học quốc tế có uy tín.

- Tăng cường trao đổi học sinh, sinh viên và giảng viên; chia sẻ kinh nghiệm quản lý giáo dục và hợp tác nghiên cứu khoa học. Đẩy mạnh việc thu hút sinh viên quốc tế đến học tập tại thành phố. Phối hợp với các cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn thành phố hợp tác về đào tạo, nghiên cứu với các trường, viện nghiên cứu quốc tế chất lượng cao để hình thành nhóm nghiên cứu quốc tế.

- Đẩy mạnh hợp tác và đầu tư với nước ngoài, phát triển các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông chất lượng cao; thu hút các cơ sở giáo dục đại học uy tín của nước ngoài mở phân hiệu tại thành phố.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch bao gồm:

- Nguồn ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán ngân sách thành phố, được cấp theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

- Nguồn vốn lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, kế hoạch, dự án khác.

- Nguồn vốn vay ưu đãi nước ngoài, vốn ODA.

- Nguồn thu từ học phí và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

- Nguồn vốn huy động của các tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước và các nguồn thu, quỹ hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

1.1. Phòng Tổ chức - Hành chính

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, đơn vị liên quan tham mưu tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, đơn vị liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền quyết định bổ sung biên chế cho các đơn vị sự nghiệp công lập, đảm bảo đảm bảo đủ biên chế theo định mức quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Chủ trì tham mưu công tác phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy và các cơ quan thông tấn, báo chí thực hiện tốt công tác thông tin, truyền thông chủ trương, định hướng đổi mới của ngành giáo dục.

- Chủ trì tham mưu công tác phối hợp với các cơ quan, đơn vị mở rộng hợp tác song phương và đa phương; thúc đẩy hợp tác với các nước ASEAN và các nước có nền giáo dục chất lượng hàng đầu thế giới.

- Tham mưu áp dụng cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài, nguồn nhân lực chất lượng cao về làm việc trên địa bàn thành phố, đối tượng gồm các chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước.

- Tham mưu bồi dưỡng, phát triển lực lượng cán bộ quản lý có tầm nhìn và năng lực thích ứng với các điều kiện thay đổi, tận tâm, thạo việc, có năng lực điều hành.

- Kiểm tra, giám sát, tổng hợp tình hình, báo cáo Ban Giám đốc việc thực hiện Kế hoạch. Chủ trì phối hợp với các phòng, đơn vị liên quan tham mưu tổng kết 10 năm về tình hình thực hiện Kế hoạch, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

1.2. Phòng Kế hoạch - Tài chính

- Chủ trì tham mưu công tác phối hợp với sở, ngành liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố ưu tiên bố trí nguồn vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của thành phố cho các chương trình, nhiệm vụ, dự án để thực hiện Kế hoạch; tổng hợp, công khai số liệu chi đầu tư cho giáo dục theo kế hoạch trung hạn và hằng năm theo quy định của pháp luật về đầu tư công và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Chủ trì tham mưu công tác phối hợp với sở, ngành liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố ưu tiên bố trí ngân sách cho nhu cầu phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan; bố trí ngân sách nhà nước cho giáo dục và đào tạo bảo đảm đạt tối thiểu 20% tổng chi ngân sách nhà nước theo quy định.

- Nghiên cứu, tham mưu đẩy mạnh xã hội hóa công tác giáo dục, nâng cao mức độ tự chủ tài chính (tự chủ chi thường xuyên) của hệ thống các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy

và học của giáo viên, học sinh.

- Chủ trì tham mưu việc phối hợp với sở, ngành, địa phương trong việc xây dựng kế hoạch sử dụng đất thành phố đảm bảo bố trí đủ quỹ đất cho phát triển giáo dục và đào tạo.

- Chủ trì tham mưu việc hỗ trợ trong công tác vận động các nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài cho phát triển giáo dục thành phố.

1.3. Phòng Giáo dục Thường xuyên, Giáo dục Nghề nghiệp và Đại học

- Chủ trì tham mưu việc phối hợp với sở, ngành, đơn vị liên quan trong việc xây dựng, triển khai cơ chế, chính sách để thúc đẩy hoạt động khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo của cơ sở giáo dục đại học thành phố.

- Chủ trì tham mưu việc phối hợp với sở, ngành liên quan tổ chức tuyển chọn, giao nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan đến phát triển giáo dục và đào tạo nhằm thực hiện Kế hoạch theo đặt hàng của các cơ quan chuyên môn trên địa bàn thành phố.

- Chủ trì tham mưu việc phối hợp với sở, ngành liên quan xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số, bảo đảm an toàn thông tin trong ngành giáo dục, nhất là tại các cơ sở giáo dục đào tạo.

- Triển khai các giải pháp kỹ thuật phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số; hướng dẫn giải pháp kỹ thuật tích hợp và liên thông dữ liệu về kho dữ liệu dùng chung của thành phố.

- Hỗ trợ nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo về nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

- Chủ trì tham mưu thực hiện Kế hoạch số 233/KH-UBND ngày 30/9/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Chủ trì tham mưu việc phối hợp với các sở, ngành, cơ quan liên quan triển khai các cơ chế liên thông giữa giáo dục nghề nghiệp với giáo dục đại học và với các cấp học khác trong hệ thống giáo dục quốc dân.

1.4. Các phòng chuyên môn: Giáo dục Mầm non, Giáo dục Tiểu học; Giáo dục Trung học; Giáo dục Thường xuyên, Giáo dục Nghề nghiệp và Đại học

- Chủ trì tham mưu việc phối hợp với các sở, ngành, địa phương hướng dẫn, tạo điều kiện cho các nhà trường được sử dụng các công trình thể thao trên địa bàn phục vụ công tác giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường để bồi dưỡng, xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện đức, trí, thể, mỹ.

- Chủ trì tham mưu việc phối hợp với các sở, ngành triển khai các nội dung liên quan đến phát triển giáo dục thể chất và thể thao trong nhà trường.

- Chủ trì tham mưu việc phối hợp với các sở, ngành, địa phương hướng dẫn,

hỗ trợ cho các nhà trường tổ chức các hoạt động trải nghiệm và hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp thực tế tại các điểm tham quan góp phần giáo dục kiến thức địa phương về các giá trị đặc sắc, đặc trưng văn hóa, lịch sử, môi trường và hướng nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng; thực hiện các nội dung liên quan đến phát triển giáo dục văn hóa, lịch sử, môi trường, hướng nghiệp trong nhà trường.

- Phòng Giáo dục Mầm non, Giáo dục Tiểu học chủ trì tham mưu việc phối hợp với các sở, ngành, địa phương để kiện toàn và nâng cao năng lực hệ thống y tế trường học, đảm bảo việc bảo vệ và chăm sóc sức khỏe toàn diện cho trẻ em, học sinh để cải thiện, có kết quả rõ rệt trong việc nâng cao thể lực, sức khỏe của trẻ em, học sinh Hải Phòng.

1.4. Phòng Quản lý chất lượng

- Chủ trì tham mưu phân loại chất lượng giáo dục theo các tiêu chuẩn chất lượng quốc gia, đẩy mạnh công tác công nhận, công nhận lại trường đạt chuẩn quốc gia ở các cấp học.

- Đẩy mạnh công tác bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục, tiến tới đạt chuẩn kiểm định bởi các tổ chức quốc tế uy tín. Triển khai hiệu quả các chu kỳ đánh giá diện rộng cấp quốc gia nhằm định kỳ cung cấp các thông tin khách quan, tin cậy về chất lượng giáo dục phổ thông.

1.5. Thanh tra Sở

- Chủ trì tham mưu việc phối hợp với sở, ngành, đơn vị trong việc thực hiện các nội dung liên quan đến tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố.

- Chủ trì tham mưu công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về giáo dục. Tăng cường năng lực đội ngũ thanh tra giáo dục để góp phần nâng cao chất lượng công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

2. Phòng Giáo dục và Đào tạo các quận, huyện, thành phố

- Tham mưu Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố trong công tác phối hợp chặt chẽ với Sở Giáo dục và Đào tạo, sở, ngành liên quan trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch đảm bảo hiệu quả và đạt kết quả cao.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện trên địa bàn phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; tăng cường công tác quy hoạch, bố trí đủ quỹ đất cho phát triển giáo dục và đào tạo theo quy định; bố trí đủ kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật về phân cấp ngân sách nhà nước cho giáo dục và đào tạo; chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án trong lĩnh vực giáo dục của địa phương.

3. Các cơ sở giáo dục

- Chủ động, tích cực đổi mới sáng tạo trong công tác quản lý và dạy học; căn cứ nội dung, định hướng trong Kế hoạch để xây dựng định hướng, kế hoạch phát triển của cơ sở giáo dục phù hợp với quy hoạch, kế hoạch của Ngành và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Giáo dục toàn diện học sinh gắn liền giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ý thức, trách nhiệm của công dân đối với xã hội.

- Triển khai có hiệu quả bộ quy tắc ứng xử trong trường học, hình thành môi trường văn hóa giáo dục lành mạnh phù hợp với yêu cầu của gia đình và xã hội; xây dựng “Trường học hạnh phúc” gắn với văn hóa học đường. Tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục.

- Rà soát cơ sở vật chất, lập kế hoạch sửa chữa, duy tu các công trình xuống cấp. Đồng thời, bố trí kinh phí thường xuyên, huy động các nguồn thu hợp pháp để đầu tư cơ sở vật chất phục vụ Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Sở Giáo dục và Đào tạo yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý chủ động triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị kịp thời thông tin về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c);
- Ủy ban nhân dân thành phố (để b/c);
- Ban Giám đốc Sở GDĐT;
- Các phòng CMNV cơ quan Sở;
- Các Phòng GDĐT;
- Các trường THPT, PT nhiều cấp;
- Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp;
- Lưu: VT, TCHC.

GIÁM ĐỐC

Bùi Văn Kiệm

PHÂN CÔNG THỰC HIỆN MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-SGDĐT ngày tháng năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	Nhiệm vụ	Phòng, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1.	Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể tại Kế hoạch số 1775/KH-SGDĐT ngày 31/12/2024 về thực hiện Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI "Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế"	Phòng Tổ chức - Hành chính	Các phòng cơ quan Sở, các cơ sở giáo dục	Theo lộ trình của Kế hoạch	Kế hoạch gửi kèm theo
2.	Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể tại Kế hoạch số 254/KH-UBND ngày 15/11/2021 thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn thành phố; số 337/KH-UBND ngày 29/12/2023 triển khai thực hiện phong trào “Cả nước thi đua xây dựng xã hội học tập, đẩy mạnh học tập suốt đời giai đoạn 2023-2030” trên địa bàn thành phố	Phòng Giáo dục Thường xuyên, Giáo dục Nghề nghiệp và Đại học	Các phòng cơ quan Sở, các cơ sở giáo dục	Theo lộ trình của Kế hoạch	Kế hoạch gửi kèm theo
3.	Triển khai Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 29/01/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ	Phòng Giáo dục Thường xuyên, Giáo dục Nghề nghiệp và Đại học	Các phòng cơ quan Sở, các cơ sở giáo dục	Theo lộ trình của Kế hoạch	Kế hoạch gửi kèm theo

	thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn thành phố Hải Phòng.				
4.	Triển khai thực hiện Đề án “Thí điểm Chương trình đào tạo giữa Chương trình Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam và Chứng chỉ Cambridge Primary Checkpoint (cấp Tiểu học), Chứng chỉ IGCSE Cambridge (cấp THCS) và Chứng chỉ A-level (cấp THPT)” tại các trường công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng từ năm học 2025 - 2026.	Phòng Giáo dục Mầm non Giáo dục Tiểu học; phòng Giáo dục Trung học (Căn cứ theo cấp học, ngành học)	Các phòng cơ quan Sở, các cơ sở giáo dục	Năm 2025	
5.	Nghiên cứu, đề xuất cơ chế tạo điều kiện thuận lợi phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo và tăng cường hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp sáng tạo trong học sinh, sinh viên	Phòng Giáo dục Thường xuyên, Giáo dục Nghề nghiệp và Đại học	Các phòng cơ quan Sở, các cơ sở giáo dục	Giai đoạn 2025-2030	
6.	Triển khai nội dung phát triển giáo dục thể chất và thể thao trong nhà trường trong Đề án phát triển thể dục, thể thao thành phố Hải Phòng đến năm 2030, định hướng đến năm 2045	Phòng Giáo dục Mầm non Giáo dục Tiểu học; phòng Giáo dục Trung học; phòng Giáo dục Thường xuyên, Giáo dục Nghề nghiệp và Đại học (Căn cứ theo cấp học, ngành học)	Các phòng cơ quan Sở, các cơ sở giáo dục	Giai đoạn 2025-2030	
7.	Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 233/KH-UBND ngày 30/9/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục nghề	Phòng Giáo dục Thường xuyên, Giáo dục Nghề	Các phòng cơ quan Sở, các cơ sở giáo dục	Giai đoạn 2025-2030	Kế hoạch gửi kèm theo

	nghiệp thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	nghiệp và Đại học			
8.	Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 151/KH-UBND ngày 21/6/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thực hiện Chương trình y tế trường học trong các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông gắn với y tế cơ sở giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn thành phố Hải Phòng	Phòng Giáo dục Mầm non Giáo dục Tiểu học;	Các phòng cơ quan Sở, các cơ sở giáo dục	Năm 2025	Kế hoạch gửi kèm theo
9.	Tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá Kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển giáo dục thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Phòng Tổ chức - Hành chính	Các phòng cơ quan Sở, các cơ sở giáo dục	Định kỳ 05 năm, 10 năm	